

Kĩ năng tiên quyết chuẩn bị học tiểu học của trẻ đa tật: Nghiên cứu trường hợp

Nguyễn Thị Hằng

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam
Email: hangnt@vnies.edu.vn

TÓM TẮT: Trong bối cảnh tỉ lệ trẻ em khuyết tật đi học tiểu học đúng tuổi còn thấp hơn nhiều so với trẻ em không khuyết tật, việc đánh giá các kĩ năng tiên quyết của trẻ đa tật chuẩn bị học tiểu học có ý nghĩa quan trọng. Bài báo tập trung phân tích thực trạng các kĩ năng tiên quyết chuẩn bị học tiểu học của một trường hợp nghiên cứu thông qua Bảng kiểm tra kĩ năng được xây dựng với 7 tiêu chí và 35 kĩ năng. Trẻ thể hiện sự phát triển khác nhau ở mỗi kĩ năng tương ứng với các mức độ đáp ứng việc đi học tiểu học gồm: đáp ứng hoàn toàn, đáp ứng một phần và chưa đáp ứng.

TỪ KHÓA: Chuẩn bị học tiểu học, trẻ đa tật.

→ Nhận bài 05/10/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 20/10/2021 → Duyệt đăng 05/11/2021.

1. Đặt vấn đề

Theo Báo cáo của Tổng cục Thống kê, “Việt Nam - Điều tra Quốc gia về Người khuyết tật 2016”: “Cơ hội tiếp cận trường học của trẻ em khuyết tật thấp hơn nhiều trẻ em không khuyết tật. Tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học (TH) của trẻ khuyết tật khoảng 88.7%, trong khi tỉ lệ này của trẻ không khuyết tật là 96.1%”. Trong bối cảnh Việt Nam lựa chọn giáo dục (GD) hòa nhập là phương thức GD chủ yếu dành cho học sinh (HS) khuyết tật thì đa số HS khuyết tật sẽ theo học hòa nhập cùng các bạn không khuyết tật và một số ít sẽ học trong các cơ sở GD chuyên biệt. Đối với nhóm trẻ em đa tật, việc tiếp cận GD TH đúng độ tuổi đối mặt với nhiều khó khăn hơn. Việc đánh giá chính xác mức độ kĩ năng (KN) chuẩn bị học TH sẽ là căn cứ quan trọng để xác định mục tiêu hỗ trợ, giúp trẻ có thêm cơ hội đi học TH đúng độ tuổi, dù là môi trường GD hòa nhập hay GD chuyên biệt. Bài viết tập trung phân tích KN chuẩn bị học TH của một trường hợp trẻ đa tật.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những vấn đề chung về trẻ đa tật

a. Trẻ đa tật là gì?

Rosenberg, M. S., Westling D. L., McLeskey, J. (2011) đưa ra định nghĩa trẻ đa tật: “Đa khuyết tật được định nghĩa là những khuyết tật đồng thời dẫn đến nhu cầu GD nghiêm trọng (Ví dụ: khuyết tật trí tuệ và mù, khuyết tật trí tuệ và suy giảm thể chất...)”.

Mastropieri, M.A. & Scruggs, T.E. (2014) đã đưa ra quan điểm: Trẻ đa tật là trẻ có hai hoặc nhiều hơn khiếm khuyết cơ thể gây ảnh hưởng đáng kể đến khả năng học tập và sinh hoạt của cá nhân khi chưa có sự điều chỉnh môi trường, thuật ngữ này không bao gồm trẻ mù điếc. Theo Bộ luật Quy định Liên bang C.F.R (The Code of Federal Regulations- được công bởi các

cơ quan hành pháp và cơ quan của chính phủ liên bang Hoa Kỳ, 1999), đa tật được định nghĩa là “khiếm khuyết đồng thời (như khuyết tật trí tuệ - mù, khuyết tật trí tuệ - khuyết tật vận động...)”.

Như vậy, trẻ đa tật là trẻ em có từ 2 dạng khuyết tật trở lên, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình học tập và các KN sống quan trọng. Theo đó, trẻ cần có sự hỗ trợ về y tế, phục hồi chức năng, giáo dục đặc biệt... để có thể hạn chế thấp nhất sự phụ thuộc vào người chăm sóc.

b. Phân loại

Theo Luật Người khuyết tật, có 6 dạng đơn khuyết tật được quy định, nếu kết hợp hai và nhiều hơn hai trong số 6 dạng khuyết tật thì sẽ có khoảng gần 60 loại đa tật khác nhau. Tuy nhiên, một số dạng đa tật phổ biến thường gặp trong thực tế có thể là: Khuyết tật trí tuệ và khuyết tật vận động; Khuyết tật trí tuệ và khiếm thị; Khuyết tật trí tuệ và khiếm thính; Khiếm thính và khuyết tật vận động; Khiếm thính và khuyết tật thần kinh, tâm thần; Khiếm thính và khiếm thị (điếc mù); Khiếm thị và khuyết tật vận động; Khiếm thị và khuyết tật thần kinh, tâm thần...

c. Đặc điểm phát triển của trẻ tật chuẩn bị học TH

- **Đặc điểm phát triển về thể chất, vận động:** Trẻ đa tật có những khiếm khuyết về thể chất hay giác quan nên thường có chiều cao và cân nặng thấp hơn so với trẻ cùng độ tuổi không khuyết tật hoặc đơn tật. Một số trẻ có các vấn đề bất thường từ trong bào thai hoặc sinh non, bất thường trong quá trình sinh...cũng khiến cho quá trình phát triển thể chất bị cản trở nghiêm trọng. Vì vậy, hầu hết các vận động của trẻ đa tật nếu có thể đều thiếu linh hoạt, khó kiểm soát các tư thế đúng, các động tác khi di chuyển.

- **Đặc điểm phát triển nhận thức:** Trẻ đa tật hầu hết bị hạn chế số lượng và sự đa dạng các kinh nghiệm, các cảm giác, tri giác được tiếp nhận thông qua các giác

quan. Do đó, dung lượng những thông tin thu được của những trẻ này thường ít và nghèo nàn. Với trẻ đa tật có đi kèm khuyết tật trí tuệ, quá trình nhận thức cảm tính với tốc độ chậm và hạn hẹp dẫn đến hạn chế số lượng đối tượng tri giác được. Còn đối với trẻ đa tật đi kèm khiếm thính, việc hạn chế phát triển ngôn ngữ dẫn đến những hạn chế về mặt nhận thức.

- *Đặc điểm phát triển về KN ngôn ngữ - giao tiếp:* Ngôn ngữ là một trong số những lĩnh vực chịu ảnh hưởng nhiều do khiếm khuyết giác quan hay những khiếm khuyết về trí tuệ. Hầu hết trẻ đa tật có sự phát triển về ngôn ngữ chậm hơn so với trẻ không khuyết tật. Trẻ thường có ít hoặc không có ngôn ngữ lời nói. Với một số trẻ đa tật có ngôn ngữ lời nói thì khả năng ngôn ngữ cũng rất hạn chế.

- *Đặc điểm các KN cá nhân - xã hội:* Ảnh hưởng của các khiếm khuyết đã làm hạn chế khả năng thực hiện các KN tự phục vụ để có thể sống độc lập của trẻ đa tật. Hơn nữa, đa số phụ huynh trẻ đa tật thường quá bao bọc trẻ hoặc bỏ mặc trẻ nên trẻ thiếu cơ hội để học các KN tự phục vụ cơ bản. Vì vậy, hầu hết trẻ đa tật đều phụ thuộc rất lớn vào người chăm sóc. Bên cạnh đó, trẻ đa tật hầu hết gặp nhiều vấn đề về phát triển các KN liên cá nhân- xã hội. Cụ thể là, trẻ hạn chế trong các KN tương tác với người khác, xây dựng mối quan hệ, phát triển các mối quan hệ với người khác.

Với những đặc điểm phát triển kể trên, trẻ đa tật gặp nhiều khó khăn trong việc phát triển các KN tiên quyết để đi học TH. Các KN cụ thể là: KN sử dụng giác quan và phối hợp giác quan hiệu quả làm nền tảng cho quá trình nhận thức; KN tự đưa ra quyết định về những hành vi của bản thân; KN giao tiếp với những người xung quanh; KN vận động, tự định hướng và di chuyển trong các môi trường khác nhau; KN tự phục vụ bản thân trong cuộc sống hàng ngày; KN tương tác xã hội và các KN tiền đọc, viết, tính toán.

2.2. Kỹ năng tiên quyết của trẻ đa tật chuẩn bị học tiểu học

2.2.1. Kỹ năng tiên quyết và những kỹ năng tiên quyết chủ yếu của trẻ đa tật chuẩn bị học tiểu học

KN tiên quyết là những KN nền tảng giúp trẻ phát triển các KN quan trọng khác. Như vậy, KN tiên quyết của trẻ đa tật chuẩn bị học TH là những KN nền tảng giúp trẻ phát triển các KN quan trọng để học TH có chất lượng. Tác giả Horn, E.M, Kang, J. (2012) đề xuất 3 lĩnh vực cần xem xét đối với chương trình giáo dục trẻ đa tật gồm: khả năng tự quyết định, giao tiếp và tự định hướng di chuyển.

Allman, C. B., Lewis, S. Spungin, A. J (2014) trong “*Essentials: Teaching the Expanded Core Curriculum to Students with Visual Impairments*” đã chỉ ra rằng: “Chương trình hỗ trợ (Expanded Core Curriculum - ECC)” là một chương trình có sự kết hợp giữa chương

trình GD phổ thông dành cho mọi trẻ em từ độ tuổi mầm non đến lớp 12 với những KN quan trọng dành cho trẻ khiếm thị và đa tật. Chương trình cốt lõi mở rộng bao gồm 9 lĩnh vực cụ thể bao gồm: Tiếp cận bù trừ; Sử dụng hiệu quả các giác quan; Công nghệ hỗ trợ; Định hướng di chuyển; KN sống độc lập; KN tương tác xã hội; KN giải trí; GD nghề nghiệp; Xác định bản thân và tự quyết định. Trong khuôn khổ bài báo, chúng tôi xác định nội dung của chương trình giáo dục hỗ trợ cho trẻ đa tật gồm 7 lĩnh vực: (1) KN sử dụng giác quan và phối hợp giác quan hiệu quả; (2) KN tự quyết định; (3) KN giao tiếp; (4) KN tự định hướng và di chuyển; (5) KN tự phục vụ; (6) KN tương tác xã hội; (7) KN tiền đọc, viết, tính toán.

2.2.2. Đánh giá kỹ năng tiên quyết của trẻ đa tật chuẩn bị vào lớp 1

a. Những vấn đề chung về đánh giá

- Mục tiêu: Đánh giá thực trạng các KN tiên quyết của trường hợp nghiên cứu nhằm đề xuất các biện pháp giúp trẻ sẵn sàng đi học TH.

- Nội dung đánh giá: Dựa trên Chuẩn KN của trẻ mầm non 5-6 tuổi và những đặc điểm phát triển đặc thù của đối tượng trẻ đa tật, nhóm nghiên cứu đã tiến hành đánh giá 7 nhóm KN tiên quyết chuẩn bị học TH gồm: (1) KN sử dụng giác quan và phối hợp giác quan hiệu quả; (2) KN tự quyết định; (3) KN giao tiếp; (4) KN tự định hướng và di chuyển; (5) KN tự phục vụ; (6) KN tương tác xã hội; (7) KN tiền đọc, viết, tính toán.

Phương pháp đánh giá: Để đánh giá các KN tiên quyết chuẩn bị học TH của trường hợp nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành thu thập thông tin từ phụ huynh, quan sát có chủ đích, tổ chức hoạt động đánh giá.

Công cụ đánh giá: Các KN tiên quyết cho trẻ đa tật chuẩn bị học TH được đánh giá dựa trên Bảng kiểm tra KN chuẩn bị học tiểu học của trẻ đa tật được chia thành 7 nhóm KN (7 tiêu chí) và 35 tiêu mục. Mỗi tiêu chí có 5 tiêu mục KN được đánh giá với các mức độ cụ thể:

- Mức độ 1: 1 điểm - Không thực hiện được: Trẻ không thực hiện đúng KN ngay cả khi có sự hỗ trợ hoàn toàn.

- Mức độ 2: 2 điểm - Trẻ thực hiện đúng KN với sự hỗ trợ một phần hoặc hoàn toàn.

- Mức độ 3: 3 điểm: Trẻ tự thực hiện được đúng và thành thực KN không cần có sự trợ giúp của giáo viên, cha mẹ.

Giá trị khoảng cách/định khoảng = (Maximum – Minimum)/n

$$= (3-1)/3 = 0,67$$

Như vậy, tương ứng với 03 mức độ đánh giá KN chuẩn bị học tiểu học của trường hợp nghiên cứu sẽ có 03 mức độ đáp ứng việc học TH. Cụ thể như sau:

Khoảng điểm	Mô tả KN	Mức độ đáp ứng
(1) 1,00 – 1,67:	Không thực hiện đúng KN ngay cả khi có sự hỗ trợ hoàn toàn.	Chưa đáp ứng
(2) 1,68 – 2,35:	Thực hiện đúng KN với sự hỗ trợ một phần hoặc hoàn toàn.	Đáp ứng một phần
(3) 2,36 – 3,00:	Tự thực hiện được đúng và thành thực KN không cần có sự trợ giúp của giáo viên, cha mẹ.	Đáp ứng hoàn toàn

b. KN tiên quyết chuẩn bị học TH của trường hợp nghiên cứu

Mô tả trường hợp: N.A.T sinh ngày 15 tháng 11 năm 2013. Tại thời điểm đánh giá, A.T 7 tuổi 1 tháng. A.T được chẩn đoán khuyết tật trí tuệ và hạn chế trong vận động, di chuyển (bàn chân bẹt, di chuyển gặp nhiều khó khăn). Năm 2019, A. T đã từng học lớp 1 đúng độ tuổi tại trường hòa nhập trong khoảng 1 tháng nhưng gặp nhiều khó khăn. Sau đó, em được chuyển sang học tập tại môi trường GD chuyên biệt. KN tiên quyết chuẩn bị học TH của trường hợp nghiên cứu được thể hiện qua Bảng 1.

Bảng 1: Bảng tổng hợp KN chuẩn bị học TH

Tiêu chí	Điểm trung bình	Mức độ đáp ứng
Tiêu chí 1: KN sử dụng giác quan và phối hợp giác quan hiệu quả.	2,4	Đáp ứng hoàn toàn
Tiêu chí 2: KN tự quyết định.	1,8	Đáp ứng một phần
Tiêu chí 3: KN giao tiếp.	1,6	Chưa đáp ứng
Tiêu chí 4: KN tự định hướng và di chuyển.	2,0	Đáp ứng một phần
Tiêu chí 5: KN tự phục vụ.	2,2	Đáp ứng một phần
Tiêu chí 6: KN tương tác xã hội.	1,6	Chưa đáp ứng
Tiêu chí 7: KN tiền đọc, viết, tính toán.	2,2	Đáp ứng một phần

Bảng 1 cho thấy, trong 7 nhóm tiêu chí đánh giá KN chuẩn bị học TH, trẻ đạt mức độ đáp ứng hoàn toàn 1/7 tiêu chí (KN sử dụng giác quan và phối hợp giác quan hiệu quả), Đáp ứng một phần với 4/7 tiêu chí (KN tự quyết định, KN tự định hướng và di chuyển, KN tự phục vụ, KN tiền đọc, viết, tính toán) và Chưa đáp ứng 2/7 tiêu chí (KN giao tiếp, KN tương tác xã hội).

Các KN cụ thể sẽ được trình bày dưới đây.

Tiêu chí 1: KN sử dụng giác quan và phối hợp giác quan hiệu quả

Nhìn vào Bảng 2 có thể thấy, mức độ thực hiện các KN chuẩn bị học tiểu học thuộc nhóm KN “KN sử dụng giác quan và phối hợp giác quan hiệu quả” của trường hợp nghiên cứu với điểm trung bình $\bar{X} = 2,4$ tức là ở mức độ “Đáp ứng hoàn toàn”. Hai KN mà trẻ thực hiện tốt nhất là “Chủ động sờ/ chạm bằng cả hai tay vào các bề mặt, chất liệu khác nhau” và “Phân biệt được một số vị cơ bản (cay, chua, gập hạn chế mặn, ngọt, đắng) trong các món ăn”. Qua phỏng vấn giáo viên và quan sát tại lớp học, chúng tôi nhận thấy, về vận động - di chuyển nên khó giữ thăng bằng cho cơ y rằng, trẻ thể và mặc dù không có khiếm khuyết giác quan nhưng lại chưa sử dụng thị giác, khứu giác hiệu quả do mức độ tập trung chú ý chưa tốt.

Tiêu chí 2: KN tự quyết định

Bảng số liệu 3 cho thấy, mức độ thực hiện các KN chuẩn bị học tiểu học của trường hợp nghiên cứu thuộc nhóm tiêu chí 2 “KN tự quyết định” là chưa cao với điểm trung bình $\bar{X} = 1,8$ tức là ở mức độ “Đáp ứng một phần”. Trẻ có thể thực hiện hầu hết các KN với sự hỗ trợ bằng lời hoặc thể tranh của giáo viên. Với KN “Yêu cầu sự giúp đỡ khi cần thiết”, trẻ gặp khó khăn khi chưa thể hiện bằng ngôn ngữ cử chỉ và ngôn ngữ nói.

Bảng 2: Bảng điểm thực hiện KN Tiêu chí 1

Tiêu chí	Tiểu mục KN	Điểm	Thứ bậc
KN sử dụng giác quan và phối hợp giác quan hiệu quả	1. Sử dụng hiệu quả thị lực/phần thị lực còn lại trong các hoạt động học tập/sinh hoạt.	2	2
	2. Chủ động sờ/chạm bằng cả hai tay vào các bề mặt, chất liệu khác nhau.	3	1
	3. Giữ thăng bằng cho cơ thể khi di chuyển, vận động.	2	2
	4. Phân biệt được một số mùi hương cơ bản (mùi thức ăn, mùi mỹ phẩm...).	2	2
	5. Phân biệt được một số vị cơ bản (cay, chua, mặn, ngọt, đắng) trong các món ăn.	3	1
Điểm trung bình		2,4	

Tiêu chí 3: KN giao tiếp

Mức độ thực hiện các KN chuẩn bị học tiểu học của trường hợp nghiên cứu thuộc nhóm tiêu chí 3 “KN giao tiếp” là chưa cao với điểm trung bình $\bar{X} = 1,6$ tức là ở mức độ “Đáp ứng một phần”. Trẻ có thể thực hiện các KN với sự trợ giúp của giáo viên như: Phản ứng phù hợp với việc yêu cầu chỉ, lấy; Sử dụng ngôn ngữ không

lời để thể hiện nhu cầu về đồ ăn, uống, mặc, vệ sinh, hoạt động; Kết hợp sử dụng các phương tiện khác nhau để giao tiếp: ngôn ngữ cử chỉ, thẻ tranh, thẻ từ... Hai KN trẻ gặp nhiều khó khăn chính là việc thể hiện cảm xúc của bản thân, nói ra nhu cầu, sở thích. Đây cũng chính là KN hạn chế nhất của trường hợp nghiên cứu.

Bảng 3: Bảng điểm thực hiện KN Tiêu chí 2

Tiêu chí	Tiểu mục KN	Điểm	Thứ bậc
KN tự quyết định	1. Trả lời “có” hoặc “không” phù hợp với hoàn cảnh.	2	1
	2. Nhận lời và từ chối.	2	1
	3. Lựa chọn khi được yêu cầu về đồ ăn, đồ uống, đồ dùng, hoạt động.	2	1
	4. Đưa ra những lời đề nghị đơn giản, ngắn gọn phù hợp hoàn cảnh.	2	1
	5. Yêu cầu sự giúp đỡ khi cần thiết.	1	2
Điểm trung bình		1,8	

Tiêu chí 4: KN tự định hướng và di chuyển

Bảng 4: Bảng điểm thực hiện KN Tiêu chí 3

Tiêu chí	KN	Điểm	Thứ bậc
KN giao tiếp	1. Phản ứng phù hợp với việc yêu cầu chỉ, lấy.	2	1
	2. Sử dụng ngôn ngữ không lời để thể hiện nhu cầu về đồ ăn, uống, mặc, vệ sinh, hoạt động.	2	1
	3. Sử dụng ngôn ngữ cử chỉ để thể hiện cảm xúc của bản thân (buồn, vui, tức giận, sợ hãi, khó chịu); nhận ra và phản ứng phù hợp với cảm xúc của người khác.	1	2
	4. Kết hợp sử dụng các phương tiện khác nhau để giao tiếp: ngôn ngữ cử chỉ, thẻ tranh, thẻ từ...	2	1
	5. Nói ra nhu cầu, sở thích, cảm xúc của bản thân và người khác hiểu.	1	2
Điểm trung bình		1,6	

Bảng 5 cho thấy, mức độ thực hiện các KN chuẩn bị học tiểu học của trường hợp nghiên cứu thuộc nhóm tiêu chí 4 “KN định hướng và di chuyển” là chưa cao với điểm trung bình $\bar{X} = 2,0$, tức là “Đáp ứng một phần”. KN trẻ làm tốt là KN “Di chuyển an toàn ở môi trường trong nhà” do đây là môi trường quen thuộc hàng ngày. Hầu hết các KN khác, trẻ có thể thực hiện được với sự hỗ trợ của giáo viên, phụ huynh. KN trẻ gặp khó khăn nhất đó là “Định hướng các phía: trái, phải, trên dưới,

trong, ngoài của bản thân”.

Tiêu chí 5: KN tự phục vụ

Bảng 5: Bảng điểm thực hiện KN Tiêu chí 4

Tiêu chí	KN	ĐTB	Thứ bậc
KN tự định hướng và di chuyển	1. Định hướng các phía: trái, phải, trên dưới, trong, ngoài của bản thân.	1	3
	2. Di chuyển an toàn ở môi trường trong nhà.	3	1
	3. Di chuyển an toàn ở môi trường ngoài trời.	2	2
	4. Sử dụng hiệu quả các thiết bị trợ giúp trong quá trình di chuyển (gậy - trẻ khiếm thị, xe lăn - trẻ có khuyết tật vận động...).	2	2
	5. Di chuyển an toàn với người lớn khi tham gia giao thông.	2	2
Điểm trung bình		2,0	

Bảng 6 cho thấy, mức độ thực hiện các KN chuẩn bị học tiểu học của trường hợp nghiên cứu ở nhóm tiêu chí 5 “KN tự phục vụ” là khá cao với điểm trung bình $\bar{X} = 2,2$ tức là trẻ “Đáp ứng một phần”. KN trẻ làm tốt là KN “Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống (thìa, bát) thành thạo”. Các KN khác trẻ cần có sự hỗ trợ bằng lời và hỗ trợ thể chất một phần.

Tiêu chí 6: KN tương tác xã hội

Bảng 6: Bảng điểm thực hiện KN Tiêu chí 5

Tiêu chí	KN	Điểm	Thứ bậc
KN tự phục vụ	1. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống (thìa, bát) thành thạo.	3	1
	2. Tự cởi đồ/ mặc đồ trong các tình huống phù hợp (quần, áo, giày, dép, mũ, khẩu trang...).	2	2
	3. Tự đi vệ sinh đúng nơi quy định.	2	2
	4. Sử dụng nhà vệ sinh mà ít cần trợ giúp nhất.	2	2
	5. Có thói quen chủ động giữ gìn vệ sinh cá nhân.	2	2
Điểm trung bình		2,2	

Bảng 7 cho thấy, mức độ thực hiện các KN chuẩn bị học tiểu học của trường hợp nghiên cứu nhóm tiêu chí 6 “KN tương tác xã hội” là chưa cao với điểm trung bình $\bar{X} = 1,6$, có nghĩa là có mức độ “Chưa đáp ứng”.

Hầu hết các KN, trẻ đều cần sự hỗ trợ của giáo viên, phụ huynh. KN trẻ gặp khó khăn nhất là KN “Có trách nhiệm với công việc được giao”.

Bảng 7: Bảng điểm thực hiện KN Tiêu chí 6

Tiêu chí	KN	Điểm	Thứ bậc
KN tương tác xã hội	Thể hiện sở thích, khả năng của bản thân ở gia đình, lớp học	2	1
	Chia sẻ đồ dùng, đồ chơi	2	1
	Chờ đợi đến lượt	2	1
	Tuân thủ một số quy định cơ bản ở lớp, ở nhà, ở cộng đồng	2	1
	Có trách nhiệm với công việc được giao	1	2
Điểm trung bình		1,6	

Tiêu chí 7: KN tiền đọc, viết, tính toán

Bảng 8: Bảng điểm thực hiện KN Tiêu chí 7

Tiêu chí	KN	Điểm	Thứ bậc
KN tiền đọc, viết, tính toán	Cầm sách (truyện tranh) đúng cách	3	1
	Đọc từ trái sang phải	2	2
	Nhận ra và đọc tên mình, biểu tượng	1	3
	Có tư thế cầm bút đúng	2	2
	Gọi tên các hình học cơ bản	3	1
Điểm trung bình		2,2	

Bảng 8 cho thấy, mức độ thực hiện các KN chuẩn bị học tiểu học của trường hợp nghiên cứu thuộc nhóm tiêu chí 7 “KN tiền đọc, viết, tính toán” là khá cao với điểm trung bình $\bar{X} = 2,2$. KN trẻ làm tốt nhất mà không cần sự hỗ trợ là KN “Cầm sách (truyện tranh) đúng cách” và “Gọi tên các hình học cơ bản”. KN trẻ gặp khó khăn nhất là KN “Nhận ra và đọc tên mình, biểu

tượng”.

Một số bình luận

Các KN chuẩn bị học TH của A.T được thể hiện đan xen ở cả 3 mức độ: Đáp ứng hoàn toàn, Đáp ứng một phần và Chưa đáp ứng. Trong đó, nhóm KN đáp ứng hoàn toàn chính là KN “KN sử dụng giác quan và phối hợp giác quan hiệu quả”. Đây là tiền đề cơ bản để A.T phát triển các KN khác sau này.

Các nhóm KN khác đạt được mức độ “Đáp ứng một phần” bao gồm: KN tự quyết định, KN tự định hướng và di chuyển, KN tự phục vụ, KN tiền đọc, viết, tính toán.

Hai nhóm KN A.T thể hiện sự khó khăn ở mức độ “Chưa đáp ứng” đó là “KN giao tiếp” và “KN tương tác xã hội”. A.T chưa biết thể hiện cảm xúc của bản thân, chưa có phản ứng phù hợp với cảm xúc của người đối diện, chưa nói ra nhu cầu, sở thích của bản thân.

Việc đánh giá KN chuẩn bị đi học TH và đưa vào 3 mức độ đáp ứng sẽ là căn cứ quan trọng để lập mục tiêu cho kế hoạch GD cá nhân cũng như đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển lên cấp TH của mỗi HS.

3. Kết luận

Nghiên cứu được trình bày là kết quả đánh giá KN tiền quyết chuẩn bị học TH của một trường hợp trẻ đa tật. Dựa trên quá trình đánh giá và hỗ trợ trẻ, nhóm nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị nhằm phát triển các KN chuẩn bị học TH của trẻ đa tật như sau: 1/ Việc đánh giá KN tiền quyết chuẩn bị học TH có ý nghĩa quan trọng nhằm định hướng kế hoạch GD dài hạn cho trẻ. Đánh giá cần dựa trên quan sát, thu thập thông tin từ người thường xuyên hỗ trợ và đánh giá trong nhiều môi trường, tình huống khác nhau, từ đó phát hiện những điểm mạnh và hạn chế của từng KN; 2/ Các hoạt động GD tổ chức cho trẻ đa tật độ tuổi chuẩn bị học TH cần được thực hiện thống nhất dựa trên kết quả đánh giá mức độ phát triển của mỗi KN; 3/ Tổ chức tập huấn cho giáo viên trực tiếp dạy trẻ đa tật về việc đánh giá các KN này, làm cơ sở để phát triển nội dung hỗ trợ; 4/ Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở GD và gia đình giúp trẻ chuẩn bị tốt KN, tâm thế đi học TH.

Tài liệu tham khảo

- [1] Allman, C. B., Lewis, S. Spungin, A. J. (2014), *Essentials: Teaching the Expanded Core Curriculum to Students with Visual Impairments*, American Foundation for the Blind Press.
- [2] Carol, B. A. & Sandra, L. (2015), *EEC Essentials: Teaching the Expanded Core Curriculum to Students with Visual Impairments*, AFB Press.
- [3] Code of Federal Regulations, (2006), *34 CFR Parts 300 and 301: Assistance to states for the education of children with disabilities and preschool grants for children with disabilities: Final rule*. Retrieved from <http://idea.gov/download/finalregulations.pdf>
- [4] Diane, M. B, Fred, S., Ginevra, R. C., (2020), *Teaching Students with Moderate and Severe Disabilities*, Second Edition
- [5] Horn, E.M. & Kang, J., (2012), *Supporting Young Children With Multiple Disabilities: What Do We Know and What Do We Still Need To Learn?* Topics Early Child Special Education.
- [6] Mastropieri, M.A. & Scruggs, T.E. (2014), *Inclusive*

- Classroom, The: Strategies for Effective Differentiated Instruction (Subscription), 6th Edition.
- [7] Mastropieri, M.A. & Scruggs, T.E., (2014), *Inclusive Classroom, The: Strategies for Effective Differentiated Instruction (Subscription)*, 6th Edition.
- [8] Rosenberg, M. S., Westling D. L., McLeskey, J., (2011), *Special Education for Today's Teachers: An Introduction*, Pearson Education.
-

PREREQUISITE SKILLS FOR PRIMARY SCHOOL PREPARATION OF CHILDREN WITH MULTIPLE DISABILITIES: A CASE STUDY

Nguyen Thi Hang

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam
Email: hangnt@vnies.edu.vn

ABSTRACT: *In the context that the proportion of children with disabilities enrolling in primary school at the right age is much lower than that of normal children, it is important to assess the prerequisite skills of children with multiple disabilities before entering grade 1. This article focuses on the situation of the prerequisite skills for their primary school preparation in a case study through a skills checklist with 7 criteria and 35 skills. Children will experience a different development in different skills corresponding to the response levels of primary school attendance, including: Fully responsive, Partly responsive, and Unresponsive level.*

KEYWORDS: Primary school preparation, children with multiple disabilities.